TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 49/2024/DS-GĐT
Ngày 05-3-2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: ông H1 Thanh Dũng

bà Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Lí – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Út – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* giữa:

1. Nguyên đơn: ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1955;

Địa chỉ: số 1296/1G tổ 10, khu phố 1, phường APĐ, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Trần Ngọc H1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số 36 HHG, khu phố 3A, phường TL, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 8/23A LTK, Phường 9, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1959;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Văn T;

Cùng địa chỉ: số 1296/1G tổ 10, khu phố 1, phường APĐ, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số 36 HHG, khu phố 3A, phường TL, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1971.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Do có quan hệ bạn bè thân thiết với ông Trần Ngọc H1, nên giữa ông T và ông H1 có thỏa thuận với nhau bằng miệng về việc góp vốn mua đất, sau đó bán lại kiếm lời chia nhau.

Ngày 01/8/2001, ông đã giao trực tiếp cho ông H1 tổng cộng 100 lượng vàng 24K loại 9999, ông H1 có tự viết và ký nhận số vàng này vào trong sổ tay của ông.

Cùng ngày 01/8/2001, ông có giao thêm cho ông H1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ông H1 có tự viết và ký nhận vào trong sổ tay của ông.

Ngày 16/8/2001, ông tiếp tục giao thêm cho ông H1 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), ông H1 cũng đã tự viết và ký nhận vào trong sổ tay của ông.

Sau khi nhận vàng và tiền, ông H1 sử dụng để mua nhiều phần đất. Sau khi mua đất, ông H1 đã tự ý bán lại cho người khác để lấy tiền mà không hề trao đổi hay thảo luận gì với ông. Mặc dù, ông đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở ông H1 nhưng ông H1 vẫn không chịu thanh quyết toán với ông những số tiền, vàng nêu trên.

Ngày 01/12/2007, ông H1 có đến nhà ông và giao cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Thu Đ số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Từ sau ngày này, ông liên tục gọi điện yêu cầu ông H1 phải lập văn bản thanh quyết toán cụ thể các số tiền, vàng đã nhận nhưng ông H1 vẫn cố tình né tránh.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Ngọc H1 phải trả lại cho ông toàn bộ 100 lượng vàng 24K loại 9999 và 550.000.000đ nêu trên.

Ngoài ra, ông cũng đồng ý giao trả lại cho ông Trần Ngọc H1 số tiền 1.800.000.000đ, vì số tiền này ông đã nhận của ông H1, nên ông có trách nhiệm trả lại cho ông H1.

** Bị đơn ông Trần Ngọc H1 trình bày:*

Ông H1 và ông T chỉ là quan hệ xã giao vì thời điểm vào năm 2001 ông T là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận MH. Thực tế, hai bên không có quan hệ hùn vốn, làm ăn nên không có việc ông H1 nhận tiền, vàng của ông T, cũng như không có việc ông H1 giao số tiền 1.800.000.000đ cho bà Nguyễn Thị Thu Đ. Trong khoảng thời gian này, ông H1 có nhiều mối quan hệ làm ăn với nhiều người khác nên có lúc ký nhận tiền, vàng nhưng không biết tại sao ông T lại có cuốn sổ tay thể hiện ông H1 ký nhận số tiền, vàng nêu trên. Vì vậy, ông H1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu Đ trình bày:*

Vào khoảng 16 giờ ngày 01/12/2007, ông Trần Ngọc H1 có đến nhà của bà đưa cho bà số tiền 1.800.000.000đ, nói gửi cho anh Chín Thời, bà chỉ nhận tiền, ông H1 không yêu cầu bà viết giấy nhận tiền. Chiều tối bà có báo lại với ông T là ông H1 có gửi 1.800.000.000đ, ông T nói bà ghi vào sổ ngày nhận tiền và số tiền đã nhận của ông H1 để nhớ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Bà không biết ông T là ai, đồng thời bà cũng không liên quan gì đến việc ông T khởi kiện chồng bà là ông Trần Ngọc H1.

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn A trình bày:*

Vào tháng 10/2000, cháu ông gọi ông bằng chú tên là Trần Ngọc H1, tự là Quang có dẫn ông đến nhà ông T để bón phân cây kiểng cho ông T. Ông có dẫn ông H1 đi mua đất và nói chuyện qua điện thoại, ông biết ông H1 có hỏi ý kiến ông T về đất vào năm 2001. Ông H1 có mua đất của ông Trần Văn S và vợ là bà Nguyễn Thị U, bà U là cô ruột của ông. Lúc ông H1 nhận tiền về, ông có hỏi thì ông H1 trả lời là nhận tiền từ ông T (Bà Nguyễn Thị U đã chết cách đây đã 6, 7 năm, còn ông Trần Văn S hiện nay đã bị lẫn, không còn minh mẫn).

Nay ông T khởi kiện buộc ông Trần Ngọc H1 phải giao trả lại cho ông toàn bộ số tiền vàng đã nhận gồm 100 lượng vàng 24K loại 9999 và 550.000.000đ, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người làm chứng ông Đặng Công N trình bày:*

Ông với ông H1 là chỗ làm ăn, quen biết với nhau giai đoạn năm 2000 đến năm 2002. Thời gian qua ông H1 có tâm sự với ông là bị ông T kiện đòi tài sản. Qua lời trình bày của ông H1 thì ông nhớ lại vào khoảng giữa năm 2001, ông H1 nói với ông là có thửa đất rộng khoảng 5.500m^2 tại khu vực Vườn Lài, phường An Phú Đông cần bán, nhưng ông H1 không đủ tiền mua và có rủ ông góp vốn để cùng mua. Sau nhiều lần thỏa thuận thì vào khoảng tháng 8/2001 ông có giao cho ông H1 bao gồm: 100 lượng vàng 9999 và 50.000.000đ và sau đó khoảng 02 tuần ông có giao cho ông H1 số tiền 500.000.000đ. Khi ông giao nhận tiền cho ông H1, thì ông H1 có ghi việc nhận tiền, vàng vào hai trang quyển sổ của ông (như ông nhớ thì đó là quyển sổ mới bìa màu đỏ có ký hiệu «2001 Agenda Giao thông vận tải» mà ông mua khi đi công tác tại Hà Nội đầu năm 2001). Ngoài ra, quyển số không có ghi thêm nội dung nào hết.

Đến khoảng tháng 4, 5/2002 ông có nói ông H1 thanh toán lại tiền cho ông và ông H1 đã trả cho ông tổng cộng là 100 lượng vàng 9999 và 550.000.000đ, cùng một phần lãi. Sau khi nhận đủ tiền, ông đã trao lại quyển sổ trên cho ông H1, còn ông H1 sau khi nhận lại quyển số có ghi nhận tiền của ông, có sử dụng tiếp quyển số thế nào hay đưa cho ai thì ông hoàn toàn không biết. Ông cam kết lời trình bày của ông là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2014/DS-ST ngày 08/01/2014, Tòa án nhân Quận MH quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn T về việc buộc ông Trần Ngọc H1 phải giao trả 100 (một trăm) lượng vàng 24K loại 9999 và 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), tương ứng với tổng số tiền là 3.791.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm chín mươi mốt triệu đồng). Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/01/2014, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 739/2014/DS-PT ngày 10/6/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Huỳnh Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Huỳnh Văn T có đơn đề nghị xem xét bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 15/2017/KN-DS ngày 24/3/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 203/2017/DS-GĐT ngày 25/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận Kháng nghị số 15/2017/KN-DS ngày 24/3/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 739/2014/DS-PT ngày 10/6/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2014/DS-ST ngày 08/01/2014 của Tòa án nhân dân Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và bị đơn là ông Trần Ngọc H1; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 374/2018/DS-ST ngày 24/5/2018, Tòa án nhân dân Quận MH quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T.

Buộc ông Trần Ngọc H1 phải giao trả lại cho ông Huỳnh Văn T số tiền là 2.310.000.000đ (Hai tỷ ba trăm mười triệu đồng), ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận MH cho đến khi ông Trần Ngọc H1 thanh toán xong cho ông Huỳnh Văn T số tiền 2.310.000.000đ (Hai tỷ ba trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, lãi suất do chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận MH có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm về phần căn cứ tính án phí.

Ngày 06/6/2018, ông Trần Ngọc H1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 681/2020/DS-PT ngày 20/7/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận MH về căn cứ tính án phí.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Ngọc H1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 374/2018/DS-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh về căn cứ tính án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T.

Buộc ông Trần Ngọc H1 phải giao trả lại cho ông Huỳnh Văn T số tiền là 2.310.000.000đ (Hai tỷ ba trăm mười triệu đồng), ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Ngọc H1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông H1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận MH cho đến khi ông Trần Ngọc H1 thanh toán xong cho ông Huỳnh Văn T số tiền 2.310.000.000đ (Hai tỷ ba trăm mười triệu đồng).

2. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 31/2017/QĐ-BPBĐ ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận MH.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 01/10/2020 và ngày 28/9/2023, bị đơn ông Trần Ngọc H1 có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 92/2023/KN-DS ngày 08/12/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại phúc thẩm theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Huỳnh Văn T cho rằng giữa ông T và ông Trần Ngọc H1 có thỏa thuận với nhau về việc góp vốn mua bán đất để chia lợi nhuận, việc góp vốn không được lập thành văn bản. Để thực hiện thỏa thuận, vào ngày 01/8/2001, ngày 16/8/2001 ông T có đưa cho ông H1 tổng cộng 100 lượng vàng 24K loại 9999 và 550.000.000 đồng. Ông H1 đã nhận đủ tiền vàng và tự viết, ký nhận vào cuốn sổ tay của ông T. Ngày 01/12/2007, ông H1 đã trả cho ông T được 1.800.000.000 đồng thì không tiếp tục trả nữa. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông H1 trả cho ông T toàn bộ số tiền vàng nêu trên, ông T đồng ý trả lại cho ông H1 số tiền 1.800.000.000 đồng đã nhận. Ông H1 không thừa nhận có quan hệ làm ăn với ông T, không thừa nhận có nhận tiền vàng của ông T, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

[2]. Xét, tại cuốn sổ bìa màu đỏ có ký hiệu "*2001 Agenda Giao thông vận tải*" do ông T cung cấp có các nội dung: Hôm nay ngày 01/8/2001 tôi tên Trần Ngọc H1 có nhận 100 (một trăm lượng vàng bốn số 9); hôm nay ngày 01/8/2001 tôi tên Trần Ngọc H1 có nhận 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn); hôm nay ngày 16/8/2001 tôi tên Trần Ngọc H1 có nhận 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng chẵn), phía dưới các nội dung đều có chữ ký, tên của ông Trần Ngọc H1. Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 đã thừa nhận chữ viết, chữ ký trong cuốn sổ nêu trên là của ông H1. Ông H1 cho rằng số tiền, vàng ghi trong cuốn sổ là do ông vay mượn của ông Đặng Công N và đã trả nợ xong cho ông N, ông không biết tại sao ông T có cuốn sổ để khởi kiện ông. Tuy nhiên, ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông H1 có nhận số tiền, vàng theo cuốn sổ ghi nêu trên từ ông T là có căn cứ.

[3]. Đối với số tiền 1.800.000.000 đồng được ông T thừa nhận là ông H1 đã đem đến nhà trả cho ông T vào ngày 01/12/2007, nên cần phải cấn trừ vào số tiền ông H1 đã nhận của ông T như sau: 1.800.000.000đ trừ đi 550.000.000

đồng còn 1.250.000.000 đồng. Số tiền 1.250.000.000 đồng tiếp tục quy đổi thành vàng 24K loại 9999 tại thời điểm ông H1 trả tiền (ngày 01/12/2007) để tiếp tục cấn trừ vào 100 lượng vàng 24K loại 9999 mà ông H1 còn nợ. Sau khi cấn trừ, nếu ông H1 vẫn còn nợ vàng thì số vàng còn lại được quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm và buộc ông H1 trả cho ông T mới đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quy đổi 100 lượng vàng 24K loại 9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm cộng với số tiền nợ là 550.000.000 đồng sau đó mới trừ đi 1.800.000.000 đồng và buộc ông H1 trả cho ông T số tiền còn lại 2.310.000.000 đồng là không chính xác, chưa đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1.

[4]. Do vụ án đã qua hai lần xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; tài liệu, chứng cứ cũng đã được Tòa án hai cấp thu thập, xác minh đầy đủ; nhằm tránh kéo dài việc giải quyết vụ án nên cần chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án dân sự phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phúc thẩm theo hướng đã phân tích và nhận định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 92/2023/KN-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 681/2020/DS-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* giữa nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T với bị đơn là ông Trần Ngọc H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại phúc thẩm theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- TAND Quận MH, TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận MH, TP. HCM;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P. LTHS, P. GĐKT2, HS, THS (AQ).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Cường